

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HS-ST

Ngày: 08 - 6 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đoàn Xuân Hòa

***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Lưu Thông

Ông Lê Văn Do

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Hiền Băng

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/TLST-HS, ngày 26 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

**H** (tên gọi khác: Không), sinh năm 2000 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H (đã chết) và bà P, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án. Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/01/2021, sau đó tạm giam đến nay. Hiện nay bị cáo đang tạm giam Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

**\* Bị hại:**

Ông Vũ Quang N, sinh năm: 1970. Trú tại: Làng Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1985. Trú tại: Thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2/ Bà P, sinh năm: 1964. Trú tại: Làng Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Huỳnh Văn K – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* Người phiên dịch: Bà H. Có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 21 giờ ngày 24/12/2020, T (sinh năm 1998) điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển số) chở H (sinh năm 2000) cùng trú tại làng Làng Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đi từ làng K đến xã Đ, huyện Đ chơi. Khi đi ngang nhà ông Vũ Quang N (sinh năm 1970) thuộc Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì thấy một máy mức đất để trong vườn nhà ông **Vũ Quang N**. T nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy trong máy mức nên rủ H tham gia, H đồng ý. H đứng đợi bên ngoài và canh giới, T đi đến chỗ chiếc máy mức rồi trộm cắp 01 bình ắc quy trong máy mức đất bê ra. Sau khi trộm cắp bình ắc quy, T và H đem bình ắc quy giấu vào một bụi cỏ ven đường rồi đi về nhà ngủ. Khoảng 07 giờ ngày 27/12/2020, H điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển số) chở T đến tiệm phế liệu của chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1985) ở thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai hỏi bán bình ắc quy. Chị T đồng ý mua nên H điều khiển xe mô tô đến vị trí giấu bình ắc quy, lấy bình ắc quy quay lại tiệm phế liệu bán cho chị T. Sau khi thỏa thuận, chị T đồng ý mua chiếc bình ắc quy với giá 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). H và T lấy tiền bán bình ắc quy rồi bỏ đi, số tiền bán bình ắc quy T và H đã tiêu xài hết. Ngày 07/01/2021, H đến Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai tự thú khai báo hành vi phạm tội như trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm việc với bà T và đã thu giữ vật chứng vụ án là 01 bình ắc quy hiệu GS, loại 12V-70AH, màu đen.

Tại Bản kết luận số 03 ngày 14/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ đã kết luận: 01 bình ắc quy hiệu GS, loại 12V-70AH, màu đen có trị giá 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng).

### **Về vật chứng:**

- Đối với 01 bình ắc quy hiệu GS, loại 12V-70AH, màu đen, quá trình điều tra Công an huyện Đak Đoa đã trả lại cho ông Vũ Quang N là chủ sở hữu.

- Đối với xe mô tô H và Th sử dụng để đi trộm cắp tài sản là xe của T (chưa rõ biển số). Do hiện nay T bỏ khỏi địa phương và không biết T ở đâu, khi nào điều tra xác minh đối tượng T và thu giữ chiếc xe trên thì sẽ xử lý sau.

### **Về dân sự:**

- Ông Vũ Quang N đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Bị cáo H đã tác động bà P (mẹ bị cáo) bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng mà chị T đã mua bình ắc quy của H và T đã trộm cắp. Bà P không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên; chị T không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 26/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về điều luật, tội danh, hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự Đề nghị xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

- Về vật chứng: Các vật chứng đã xử lý trong giai đoạn điều tra là có căn cứ; các vật chứng khác không có thu giữ nên không xem xét.

- Về dân sự: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày:*

Nhất trí với tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xét xử bị cáo dưới mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, điểm, khoản, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập và chứng cứ, tài liệu của bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp có tại hồ sơ đều phù hợp với quy định của pháp luật. Và hành vi của các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

H có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, vào ngày 14/12/2020 tại thôn Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai H và đối tượng T đã có hành vi trộm cắp 01 bình ắc quy hiệu GS, loại 12V – 70AH, màu đen của ông Vũ Quang N có trị giá 700.000 đồng.

Xét thấy, lời khai của bị cáo H tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác như đã nêu trên, hành vi này của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá là 700.000 đồng, tuy nhiên do trước đó bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên nên hành vi này của bị cáo H đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp do cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại; sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hình được áp dụng đối với bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ sức khỏe, nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng do đua đòi, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu vật chất cá nhân mà bất chấp pháp luật để phạm tội. Hành vi của bị cáo mặc dù là ít nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, đã từng phạm tội (đã bị Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 02/2020/HSST ngày 17/01/2020. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bản án này, nhưng chưa xóa án tích), sau khi ra tù bị cáo không lấy đó là bài học để tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội nêu trên là thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương. Tuy nhiên, do bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên nên được Hội đồng xét xử sẽ xem xét đầy đủ khi lượng hình cho bị cáo.

Do bị cáo không có không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với chị Nguyễn Thị T là người mua chiếc bình ắc quy của H và T trộm cắp được. Do chị T không biết chiếc bình ắc quy này là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý chị T là phù hợp.

Đối với Theron có hành vi trộm cắp tài sản với H vào ngày 24/12/2020, tài sản T và H trộm cắp trị giá 700.000 đồng. Do tài sản thiệt hại dưới 2.000.000 đồng, thời điểm vi phạm T chưa bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa có tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản nên hành vi trộm cắp tài sản của T không cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hiện nay T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không rõ đi đâu nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đak Đoa tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 01 bình ắc quy hiệu GS, loại 12V-70AH, màu đen, quá trình điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho ông Vũ Quang N là chủ sở hữu là có căn cứ nên không xem xét lại.

- Đối với xe mô tô H và T sử dụng để đi trộm cắp tài sản, đây là xe của T (chưa rõ biển số). Do hiện nay T bỏ khỏi địa phương và không biết T ở đâu nên chưa thu giữ

được chiếc xe trên, khi nào Cơ quan điều tra xác minh thu giữ được chiếc xe trên thì sẽ xử lý sau.

[7] Về dân sự:

- Ông Vũ Quang N đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

- Bị cáo H đã tác động bà P (mẹ bị cáo) bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng mà chị T đã mua bình ắc quy của H và T đã trộm cắp. Bà P không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên và chị T không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[8] Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với ý kiến trình bày của người bào chữa đề nghị Hội đồng áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự vì *“Tài sản phạm tội có giá trị không lớn”*. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù bị cáo chiếm đoạt tài sản dưới 02 triệu đồng, nhưng do trước đây bị cáo đã bị xét xử về tội *“Trộm cắp tài sản”*, bị cáo chưa xóa án tích nay tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do cố ý nên bị cáo bị truy tố, xét xử về tội *“Trộm cắp tài sản”* được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, ý kiến của người bào chữa đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không có cơ sở để chấp nhận. Còn về mức án đối với bị cáo mà người bào chữa đề nghị, Hội đồng xét xử sẽ xem xét theo quy định của pháp luật.

[10] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về điều luật được áp dụng:

*Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;*

*Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự;*

*Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo H phạm tội: *“Trộm cắp tài sản”*.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 07/01/2021).

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Hyêm có nghĩa vụ chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại; nlq;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

***Đoàn Xuân Hòa***